

Số: 184/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hải Nam.

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 293/2024/TLST-VLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 293/2024/QĐST-VDS ngày 25 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1992; HKTT: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ liên hệ: Số A đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Dương;

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1993; HKTT: Thị Trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ liên hệ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.2. Công ty TNHH D; Địa chỉ: T đất số 104, 106, 107A, 164, 165, 166, 169, 170, 173, 174, 183, 184, 185, A đường số F, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Deng Jian X; Chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.3. Bảo hiểm xã hội thành phố D; Địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; Địa chỉ: B thành phố D, tỉnh Bình Dương - Khu T, tỉnh Bình Dương - là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2024). (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Tại Đơn yêu cầu ghi ngày 31/10/2024 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Trần Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1993 là bạn của bà Trần Thị T. Vào khoảng tháng 05-06/2011 do bà T1 chưa đủ tuổi lao động nên có mượn bà T hồ sơ lao động (gồm có chứng minh nhân dân số 183884180 do Công an tỉnh H cấp cho bà T ngày 16/7/2008) để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D; Địa chỉ: T đất số 104, 106, 107A, 164, 165, 166, 169, 170, 173, 174, 183, 184, 185, A đường số F, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH D đã đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Phương T1 với tên bà Trần Thị T từ tháng 05 đến 06/2011 số sổ 7411146571.

Tuy nhiên, thực tế khoảng thời gian từ tháng 05 đến tháng 06/2011 bà Trần Thị T làm việc tại Công ty TNHH G (nay là công ty M); địa chỉ: Lô C, đường số F khu công nghiệp V Singapore, phường A, thành phố T tỉnh Bình Dương và có đóng Bảo hiểm xã hội mã số: 7411292922.

Nay bà Trần Thị T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì cơ quan Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Trang bị trùng từ tháng 05/2011 đến tháng 06/2011 (bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 05/2011 đến tháng 06/2011 tương đương với thời gian Nguyễn Phương T1 mượn hồ sơ lao động của bà T).

Bà T đã liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D nhờ hướng dẫn thì cán bộ hướng dẫn bà T đến Tòa án để tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Phương T1 với tên của Trần Thị T và Công ty TNHH D theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L.

Do bà T và bà Nguyễn Phương T1 không hiểu biết về pháp luật nên mới cho mượn giấy tờ để ký hợp đồng lao động như trên. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị T và Công ty TNHH D là vô hiệu. Do bà Nguyễn Phương T1 đã sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. Bà T chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc bà Nguyễn Phương T1 mượn hồ sơ lao động của bà T để làm việc tại Công ty TNHH D lỗi của bà T và bà T1 và không liên quan đến Công ty. Do đó, bà T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, bà T xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác trong việc này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phương T1 trình bày:*

Bà Trần Thị T, sinh năm 1992 là bạn của bà Nguyễn Phương T1. Vào khoảng tháng 05-06/2011 do bà T1 chưa đủ tuổi lao động nên bà T1 có mượn bà T hồ sơ lao động (gồm có chứng minh nhân dân số 183884180 do Công an tỉnh

H cấp cho bà T ngày 16/7/2008) để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D; Địa chỉ: T đất số 104, 106, 107A, 164, 165, 166, 169, 170, 173, 174, 183, 184, 185, A đường số F, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH D đã đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Phương T1 với bà Trần Thị T từ tháng 05 đến tháng 06/2011 số sổ 7411146571.

Tuy nhiên, thực tế khoảng thời gian từ tháng 05 đến tháng 06/2011 bà Trần Thị T làm việc tại Công ty TNHH G (nay là công ty M); địa chỉ: Lô C, đường số F khu công nghiệp V Singapore, phường A, thành phố T tỉnh Bình Dương và có đóng Bảo hiểm xã hội mã số: 7411292922.

Đến thời điểm hiện tại do đã lâu nên hợp đồng lao động và các giấy tờ liên quan khi bà T1 sử dụng thông tin của bà Trần Thị T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D đã thất lạc hết không thể cung cấp cho Tòa án. Tại thời điểm lấy thông tin của bà Trần Thị T để giao kết hợp đồng, bản thân bà T1 và bà T không hiểu biết pháp luật nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Trần Thị T.

Do đó, đối với yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị T và Công ty TNHH D là vô hiệu thì bà T1 đồng ý.

Bà Nguyễn Phương T1 xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì trong việc này. Đồng thời, bà T1 đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D trình bày:*

Khi xin việc tại Công ty, tất cả những người lao động phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc. Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra, Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc.

Khi người lao động vào làm việc thì công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Trần Thị T do đã lâu nên Công ty không còn lưu trữ các tài liệu liên quan nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Nay đối với yêu cầu của bà Trần Thị T, Công ty đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Công ty không biết sự việc bà Nguyễn Phương T1 mượn thông tin cá nhân của bà Trần Thị T để làm hồ sơ lao động. Đây là lỗi của bà T và bà T1, không liên quan gì đến Công ty TNHH D.

Công ty TNHH D xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì trong việc này. Đồng thời, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty TNHH D cho người lao động thì Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trần Thị T sinh năm 1992, số CCCD 042192021213, với mã số bảo hiểm xã hội 7411146571 từ tháng 05/2011 đến tháng 06/2011 tại Công ty TNHH D chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Ngoài ra, bà Trần Thị T còn có mã số 7411292922 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 07/2011 đến tháng 02/2012 tại Công ty TNHH G. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Trần Thị T và Công ty TNHH D, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty TNHH D có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Trần Thị T, Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Trần Thị T, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến, yêu cầu gì khác và đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Trần Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH D; Địa chỉ: T đất số 104, 106,

107A, 164, 165, 166, 169, 170, 173, 174, 183, 184, 185, A đường số F, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Trần Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phương T1, Công ty TNHH D; Bảo hiểm xã hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục phiên họp.

[2] Đối với yêu cầu của bà Trần Thị T xét thấy:

[2.1] Việc bà Nguyễn Phương T1 mượn chứng minh nhân dân, hồ sơ lao động của bà Trần Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị T tại Công ty TNHH D 7411146571 từ tháng 05/2011 đến tháng 06/2011. Ngoài ra, bà Trần Thị T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 07/2011 đến tháng 02/2012 tại Công ty TNHH G với mã số 7411292922.

[2.3] Trình bày của bà Trần Thị T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, phù hợp lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Trần Thị T với Công ty TNHH D vô hiệu là có cơ sở chấp nhận. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung việc dân sự, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trần Thị T phải chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của Trần Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Trần Thị T với Công ty TNHH D là vô hiệu toàn bộ.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001873 ngày 07/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hải Nam